

BÀI 5: PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA PHÂN SỐ

A. LÝ THUYẾT

I/ Nhân hai phân số :

Quy tắc:



Muốn nhân hai phân số, ta nhân hai tử số với nhau và nhân hai mẫu số với nhau.

Ví dụ 1:
$$\frac{-2}{7} \cdot \frac{4}{-11} = \frac{(-2) \cdot 4}{7 \cdot (-11)} = \frac{-8}{-77} = \frac{8}{77}.$$

II/ Một số tính chất của phép nhân hai phân số :

Phép nhân phân số có các tính chất sau:

1/ Tính chất giao hoán:

$$\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{c}{d} \cdot \frac{a}{b}$$

2/ Tính chất kết hợp:

$$\left(\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d}\right) \cdot \frac{m}{n} = \frac{a}{b} \cdot \left(\frac{c}{d} \cdot \frac{m}{n}\right)$$

3/ Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng:

$$\frac{a}{b} \cdot \left(\frac{c}{d} + \frac{m}{n}\right) = \frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} + \frac{a}{b} \cdot \frac{m}{n}$$

4/ Nhân với số 1:

$$\frac{a}{b} \cdot 1 = 1 \cdot \frac{a}{b} = \frac{a}{b}$$

Ví dụ: Tính hợp lý:

$$\frac{-5}{-6} \cdot \frac{2}{-5} \cdot \frac{-10}{-7} = \frac{-5}{-6} \cdot \left(\frac{2}{-5} \cdot \frac{-10}{-7}\right) = \frac{-5}{-6} \cdot \frac{2 \cdot (-10)}{(-5) \cdot (-7)} = \frac{-5 \cdot 4}{(-6) \cdot (-7)} = \frac{-10}{21}.$$

Thực hành 1

Tính giá trị biểu thức sau theo cách hợp lí.

$$\left(\frac{20}{7} \cdot \frac{-4}{-5}\right) + \left(\frac{20}{7} \cdot \frac{3}{-5}\right).$$

Giải:

$$\begin{aligned} & \left(\frac{20}{7} \cdot \frac{-4}{-5}\right) + \left(\frac{20}{7} \cdot \frac{3}{-5}\right) \\ &= \frac{20}{7} \cdot \left(\frac{-4}{-5} + \frac{3}{-5}\right) \\ &= \frac{20}{7} \cdot \left(\frac{-1}{-5}\right) \\ &= \frac{4}{7} \end{aligned}$$

III/ Chia hai phân số :**Quy tắc chia phân số:**

Muốn chia một phân số cho một phân số khác 0 ta nhân phân số thứ nhất với phân số có tử số là mẫu số của phân số thứ hai và mẫu số là tử số của phân số thứ hai.

$$\frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c}$$

Ví dụ 3: Tính $\frac{-4}{-3} : \frac{7}{-5}$.

Giải

$$\frac{-4}{-3} : \frac{7}{-5} = \frac{(-4) \cdot (-5)}{(-3) \cdot 7} = \frac{20}{-21} = -\frac{20}{21}.$$

Thực hành 2

Tính.

a) $\frac{-2}{7} : \frac{4}{7}$; b) $\frac{-4}{5} : \frac{-3}{11}$; c) $4 : \frac{-2}{5}$; d) $\frac{15}{-8} : 6$.

$$a) \frac{-2}{7} : \frac{4}{7}$$

$$= \frac{-2.7}{7.4}$$

$$= \frac{-1}{2}$$

$$b) \frac{-4}{5} : \frac{-3}{11}$$

$$= \frac{-4.11}{5.(-3)}$$

$$= \frac{-44}{-15} = \frac{44}{15}$$

$$c) 4 : \frac{-2}{5}$$

$$= \frac{4.5}{1.(-2)}$$

$$= \frac{20}{-2} = -10$$

$$d) \frac{15}{-8} : 6$$

$$= \frac{15.1}{(-8).6}$$

$$= \frac{15}{-48} = \frac{-5}{16}$$

B. BÀI TẬP

Bài tập

1. Tính giá trị của biểu thức.

$$a) \left(\frac{-2}{-5} : \frac{3}{-4} \right) \cdot \frac{4}{5}; \quad b) \frac{-3}{-4} : \left(\frac{7}{-5} \cdot \frac{-3}{2} \right); \quad c) \frac{-1}{9} \cdot \frac{-3}{5} + \frac{5}{-6} \cdot \frac{-3}{5} + \frac{5}{2} \cdot \frac{-3}{5}.$$

2. Một ô tô chạy hết 8 phút trên một đoạn đường với vận tốc trung bình 40 km/h. Hãy tính độ dài đoạn đường đó. Người lái xe muốn thời gian chạy hết đoạn đường đó chỉ 5 phút thì ô tô phải chạy với vận tốc trung bình bao nhiêu?

Hướng dẫn làm bài

Bài 1:

$$a) \left(\frac{-2}{-5} : \frac{3}{-4} \right) \cdot \frac{4}{5}$$

$$= \left(\frac{-2 \cdot (-4)}{-5 \cdot 3} \right) \cdot \frac{4}{5}$$

$$= \left(\frac{8}{-15} \right) \cdot \frac{4}{5}$$

$$= \frac{32}{-75} = \frac{-32}{75}$$

$$b) \frac{-3}{-4} : \left(\frac{7}{-5} \cdot \frac{-3}{2} \right)$$

$$= \frac{3}{4} : \left(\frac{-21}{-10} \right)$$

$$= \frac{3 \cdot (-10)}{4 \cdot (-21)}$$

$$= \frac{-30}{-84} = \frac{5}{14}$$

$$c) \frac{-1}{9} \cdot \frac{-3}{5} + \frac{5}{-6} \cdot \frac{-3}{5} + \frac{5}{2} \cdot \frac{-3}{5}$$

$$= \left(\frac{-1}{9} + \frac{5}{-6} + \frac{5}{2} \right) \cdot \frac{-3}{5}$$

$$= \left(\frac{-2}{18} + \frac{-15}{18} + \frac{45}{18} \right) \cdot \frac{-3}{5}$$

$$= \frac{14}{9} \cdot \frac{-3}{5}$$

$$= \frac{-14}{15}$$

Bài 2: Đổi: $8 \text{ phút} = \frac{8}{60} \text{ giờ} = \frac{2}{15} \text{ giờ}$; $5 \text{ phút} = \frac{5}{60} \text{ giờ} = \frac{1}{12} \text{ giờ}$

Độ dài đoạn đường đó:

$$\frac{2}{15} \cdot 40 = \frac{16}{3} (km)$$

Người lái xe đi hết đoạn đường đó chỉ 5 phút thì ô tô phải chạy với vận tốc:

$$\frac{16}{3} : \frac{1}{12} = \frac{16 \cdot 12}{3 \cdot 1} = \frac{192}{3} = 64 (km)$$

BÀI 1: ĐIỂM. ĐƯỜNG THẲNG

A. LÝ THUYẾT

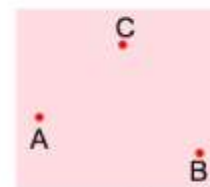
I/ ĐIỂM:

Mỗi chấm nhỏ trên trang giấy cho ta hình ảnh của một điểm.

Người ta thường dùng các chữ cái in hoa A, B, C, ... để đặt tên cho điểm.

Ví dụ 1:

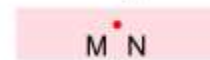
Trên Hình 1a, ta có hình ảnh của **ba điểm phân biệt** A, B, C.



a)

Ví dụ 2:

Trên Hình 1b, ta có hình ảnh của hai điểm M và N **trùng nhau**.



b)

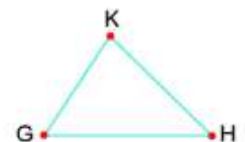
Hình 1

Chú ý:

- Khi nói tới hai điểm mà không giải thích gì thêm, ta coi đó là hai điểm phân biệt.
- Từ những điểm, ta xây dựng được các hình. *Mỗi hình là một tập hợp các điểm. Một điểm cũng được coi là một hình.*

Thực hành 1

- Em hãy đọc tên các điểm có trên hình bên.
- Em hãy vẽ ba điểm vào vở và đặt tên cho ba điểm đó.



II/ ĐƯỜNG THẲNG:

Dùng bút kẻ một vạch thẳng dọc theo mép thước ta sẽ được hình ảnh của một đường thẳng (Hình 2).



Hình 2

Tương tự, dây điện kéo căng, mép tường, ... cho ta hình ảnh của đường thẳng. Đường thẳng không bị giới hạn về hai phía.

Chú ý: Người ta dùng các chữ cái in thường a, b, c, d, ... để đặt tên cho các đường thẳng.

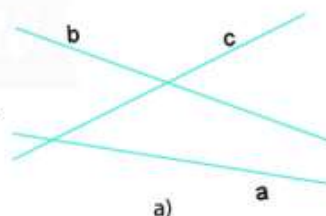
Ví dụ 3: Ở Hình 3, ta có đường thẳng a.



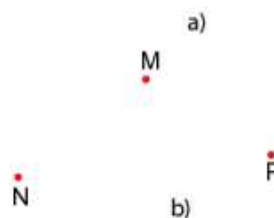
Hình 3

Thực hành 2

a) Kể tên các đường thẳng có trong Hình 4a.



b) Vẽ vào vở ba điểm như Hình 4b.
Vẽ các đường thẳng đi qua hai trong ba điểm đó.



c) Từ một tờ giấy A4, em hãy nêu một số cách để tạo ra hình ảnh của điểm và đường thẳng.



c)

PHIẾU BÀI TẬP TOÁN 6-TUẦN 23(Từ 24/1/2022- 29/1/2022)

1/ Tính:

a) $\frac{-3}{8} \cdot \frac{-4}{21}$ b) $\frac{-2}{-5} \cdot \frac{3}{-10}$ c) $\frac{-3}{10} : \frac{-7}{-20}$ d) $\frac{-5}{4} : \frac{23}{-20}$

e) $\left(\frac{-5}{-12} : \frac{3}{-4}\right) \cdot \frac{1}{2}$ f) $\frac{-3}{10} \cdot \frac{-2}{5} + \frac{-7}{10} \cdot \frac{-2}{5}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2/ Một ô tô chạy 10 phút thì hết một đoạn đường với vận tốc 48km/h. Tính độ dài đoạn đường đó. Hỏi ô tô chạy hết đoạn đường trong 8 phút thì cần chạy với vận tốc trung bình là bao nhiêu?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

WEEK 22

PERIOD 55: UNIT 6: COMMUNITY SERVICES

LESSON 2-1 (New words)

I. New words

- bag	(n)	/bæg/	: túi , giỏ
- plastic	(n/adj)	/'plæstɪk/	: nhựa
- bottle	(n)	/'bɔ:təl/	: chai
→ plastic bag	(n)		: túi nhựa
→ plastic bottle	(n)		: chai nhựa
- can	(n)	/kæn/	: lon
- glass	(n)	/glæs/	: thủy tinh
- jar	(n)	/dʒɑ:r/	: lọ ,hũ
→ glass jar	(n)		: lọ/hũ thủy tinh
- trash	(n)	/træʃ/	: rác
- pick up	(v)	/pɪk ʌp/	: nhặt
- recycle	(v)	/,ri:'saɪkl/	: tái chế
- reuse	(v)	/,ri:'ju:z/	: tái sử dụng
- throw away	(v)	/θrəʊ ə'weɪ/	: vứt , ném
- protect	(v)	/prə'tekt/	: bảo vệ

II. Write the suitable word for each picture



1. _____



2. _____



3. _____



4. _____



5. _____



6. _____

III. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.

- 1/ Our school likes to _____ used things.
A. recycle B. recycles C. recycling D. recycled
- 2/ What we should do _____ the Earth?
A. protect B. protects C. protecting D. to protect
- 3/ Susan always _____ trash on the beach when she sees it.
A. pick up B. pick at C. throw away D. throw out
- 4/ Everyone should use _____ to make our environment clean.
A. trash B. trash pins C. trash bins D. bottles
- 5/ I think reusing means use something _____ another purpose.
A. for B. in C. on D. at
- 6/ We're studying _____ Ha Noi University.
A. at B. in C. of D. from
- 7/ There are 40 students _____ the class.
A. inside B. in C. at D. over
- 8/ My pen is _____ the books and the computer.
A. among B. down C. up D. between
- 9/ I saw a mouse _____ the chair.
A. among B. between C. in D. behind
- 10/ We don't like to throw away _____ that we can use again.
A. thing B. something C. anything D. everything
- 11/ After _____ glass bottles and jars, you can use _____ in your kitchen.
A. Using / it B. using /them C. used / it D. used /them
- 12/ _____ remove my little bike .
A. Do B. Does C. Don't D. Doesn't
- 13/ _____ protect The Earth.
A. Let B. Make C. Should D. Let's
- 14/ Saving the environment is very _____.
A. used B. useful C. important D. use
- 15/ Where is Susan? She is sitting _____ Jim.
A. on B. under C. between D. next to
- 16/ My house is _____ to the hospital.
A. close B. near C. opposite D. across
- 17/ We come _____ Viet Nam.
A. in B. above C. from D. below
- 18/ He is _____ China.
A. at B. in C. to D. from
- 19/ They would like some milk _____ dinner.
A. in B. for C. at D. of
- 20/ It's cold in our country _____ the winter.
A. at B. on C. of D. in

PERIOD 56: UNIT 6: COMMUNITY SERVICES**LESSON 1-2 (Grammar)****I. Grammar : Imperatives****1. Định nghĩa**

- Câu mệnh lệnh là câu dùng để sai khiến, ra lệnh hoặc đề nghị một người khác làm một việc gì đó. Chủ ngữ của câu mệnh lệnh được ngầm hiểu là “you”.
- Câu mệnh lệnh luôn được dùng ở thì hiện tại đơn và dạng thức nguyên thể (không có “to”) của động từ.

2. Cấu trúc

Dạng	Khẳng định	Phủ định
Cấu trúc	Verb (động từ) + object (tân ngữ)	Don't + verb + object/ preposition
	Verb (động từ) + preposition (giới từ)	
Ví dụ	- Open the door. (Hãy mở cửa ra) - Close the door. (Hãy đóng cửa lại) - Come in. (Mời vào) - Sit down. (Mời ngồi xuống)	- Don't open the window. (Đừng mở cửa sổ) - Don't cry. (Đừng khóc) - Don't stand up. (Đừng đứng dậy)
Lưu ý	Có thể dùng “please” (làm ơn, xin mời) trong câu mệnh lệnh làm cho câu nhẹ nhàng và lịch sự hơn, có thể đặt ở đầu hoặc cuối câu. <u>Ví dụ:</u> - Sit down, please. (Xin mời ngồi xuống) - Please stand up. (Làm ơn đứng dậy) - Don't make noise, please. (Làm ơn đừng làm ồn.)	

II. Complete the sentences by using the positive or negative imperative statements. (Imperatives)

- _____ upstairs. (go)
- _____ in this lake. (not/ swim)
- _____ your homework. (do)
- _____ football in the yard. (not/ play)
- _____ your teeth. (brush)
- _____ the animals in the zoo. (not/ feed)
- _____ the instructions. (read)
- _____ late for school. (not/ be)
- _____ your mobiles. (switch off)
- _____ our brother. (ask)
- _____ up. (hurry)
- _____ quiet. (be)

III. Look at the pictures, using the positive or negative imperative statements. (Imperatives)

	
1. _____ plastic bags. (use)	2. _____ old newspapers. (recycle)
	
3. _____ old clothes. (throw away)	4. _____ here. (smoke)
PLEASE TURN OFF YOUR MOBILE PHONES AND LAPTOPS 	
5. _____ your mobile phone! (switch off)	6. _____ papers in the park. (pick up)
	
7. _____ old cans to grow flowers in. (reuse)	8. _____ plastic bottles. (use)
	
9. _____ your car here! (park)	10. _____ photos here. (take)

IV. Rearrange these following words to complete the sentences.

1. tell / things. / me / such / Don't /

→ _____

2. that / . / Don't / like / speak /

→ _____

3. attention / pay / to / Don't / her. /

→ _____

4. too / fast / . / Don't / drive /

→ _____

5. door / . / Close / the /

→ _____

6. open / down / Sit / and / page 26 / . / your book /

→ _____

7. noise / . / Don't / class / make / in /

→ _____

8. Practice / English / more / . / speaking /

→ _____

PERIOD 57: UNIT 6: COMMUNITY SERVICES

LESSON 2-3 (Pronunciation)

I. Choose the word whose main stressed syllable is placed differently from that of the other in each group.

- | | | | |
|-------------------|--------------|----------------|---------------|
| 1. A. station | B. bottle | C. reuse | D. donate |
| 2. A. wildlife | B. protect | C. purpose | D. useful |
| 3. A. charity | B. hospital | C. library | D. recycle |
| 4. A. recycling | B. container | C. newspaper | D. direction |
| 5. A. supermarket | B. community | C. environment | D. Imperative |

II. Choose the words whose underlined part is pronounced differently from that of the others in each group.

- | | | | |
|-------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|
| 1. A. cu <u>st</u> omer | B. <u>s</u> ticker | C. <u>s</u> tudent | D. que <u>s</u> tion |
| 2. A. <u>s</u> tay | B. li <u>s</u> ten | C. <u>s</u> tudy | D. <u>s</u> tart |
| 3. A. <u>s</u> top | B. ca <u>s</u> tle | C. <u>s</u> tation | D. <u>s</u> tamp |
| 4. A. re <u>c</u> ycle | B. reu <u>s</u> able | C. ar <u>t</u> icle | D. usu <u>a</u> lly |
| 5. A. sing <u>l</u> e | B. pla <u>s</u> tic | C. simp <u>l</u> e | D. bott <u>l</u> e |
| 6. A. socia <u>l</u> | B. peop <u>l</u> e | C. talk | D. usefu <u>l</u> |

III. Choose A, B, C or D to fill in each bank.

Tom and Jenny are talking about different ways to protect the environment for Earth Day. Jenny says students shouldn't (1) _____ food. They should eat everything on their plates. She also thinks everyone should (2) _____ trash and put it in the trash can to keep the school clean. Tom (3) _____ his water bottle and fills it with water every morning. He also takes his family's (4) _____ to the recycling bin because you can recycle metal. He thinks everyone should reuse

and (5) _____ everything they can. Tom and Jenny are trying their best to protect the environment.

- | | | | |
|-------------------|--------------|---------------|-------------|
| 1. A. throw away | B. reuse | C. recycle | D. clean up |
| 2. A. reuse | B. save | C. protect | D. pick up |
| 3. A. throws away | B. recycles | C. reuses | D. clear |
| 4. A. wildlife | B. cans | C. newspapers | D. bottles |
| 5. A. recycle | B. recycling | C. recycled | D. recycles |

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 6

TUẦN 22 (từ 12/12 đến 17/12)

PHIẾU TỰ HỌC

PERIOD 55+56+57: UNIT 6: AROUND TOWN

LESSON 2

***Sách giáo khoa trang 49:**

New Words

a. Fill in the blanks. Listen and repeat.

1. trash
2. plastic bottle
3. can
4. glass jar
5. plastic bag

b. Match the underlined words to the definitions.

1. c
2. d
3. b
4. a

Reading

Sally blogs about saving the environment. Read her tips and write "True" or "False."

1. True
2. True
3. False
4. True

***Sách giáo khoa trang 50**

Grammar

b. Fill in the blanks with positive or negative imperative statements.

1. *Don't use* plastic bags.
2. **Reuse** plastic bottles.
3. **Recycle** old newspapers.
4. **Pick up** papers in the park.
5. **Reuse** old cans to grow flowers in.
6. **Don't throw away** old clothes.

c. Rewrite the sentences as negative or positive imperatives.

1. Recycle plastic bags and jars.
2. Don't throw away glass jars and old newspapers.
3. Pick up trash in the park.
4. Recycle plastic bottles and old magazines.
5. Reuse plastic bottles in your garden.
6. Don't throw away old clothes.

II. Write the suitable word for each picture



1. **train station**

2. **library**

3. **hospital**



4. **police station**

5. **post office**

6. **bus station**

III. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.

1. You can find lots of interesting books in a _____.
A. post office **B. library** C. police station D. arcade
2. The police _____ is near my house.
A. station B. theater C. market D. mall
3. My father is a doctor, he works in a _____.
A. pool **B. hospital** C. school D. shop
4. She buys stamps and sends letters at a _____.
A. hospital B. library **C. post office** D. police station
5. He goes to the Bien Hoa _____ station to travel to Nha Trang.
A. mall B. school C. post **D. train**
6. We can take a bus number 103 at the _____.
A. bus station B. post office C. train station D. library

PERIOD 56: UNIT 6: LESSON 1.2

II. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.

1. Is there a train station near here? _____ train station is on Queen's Street.
A. a B. an **C. the** D. any
2. There is _____ post office on Market Street. It's next to the subway and the library.
A. an B. this C. that **D. A**
3. There's _____ woman near the door. _____ woman is Lan's mother.
A. a/ an **B. a/ the** C. the/ a D. an/ a
4. The movie theater is _____ to the library.
A. opposite **B. next** C. between D. near
5. Is there a post office _____ here?
A. next B. on **C. near** D. in
6. The supermarket is _____ the train station and the subway.
A. between B. opposite C. near D. next
7. My house is _____ front of the bus station.
A. near **B. in** C. on D. between
8. The hospital is _____ the bus station.
A. next B. on C. between **D. opposite**
9. Is there a bus station near here? - Yes, there is. The bus station is _____ the supermarket.
A. next to B. in C. on D. between
10. The library is in _____ the movie theater.
A. on B. front C. between **D. front of**

III. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it.

1. My house is opposite the bridge.
→ There is a **bridge next to my house.**
2. The bus station is next to the hotel.
→ There is a bus **station next to the hotel.**
3. The hospital is between the train station and the market.
→ There is **a hospital between the train station and the market.**
4. The restaurant is near his house.
→ There is **a restaurant near his house.**
5. There is a supermarket opposite the arcade.
→ The arcade is **opposite the supermarket.**
6. There is a post office next to the park.
→ The park is **next to the post office.**

PERIOD 57: UNIT 6: LESSON 1.3

I. Find the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation.

- | | | | |
|---------------------|------------------|-------------------|-------------------|
| 1. A. houses | B. pools | C. bananas | D. apples |
| 2. A. visits | B. helps | C. takes | D. plays |
| 3. A. washes | B. leaves | C. changes | D. watches |
| 4. A. basketball | B. between | C. sneaker | D. market |
| 5. A. park | B. cake | C. station | D. parade |
| 6. A. student | B. station | C. stamp | D. history |

II. Find the word that differs from the other three in the position of primary stress.

- | | | | |
|----------------------|---------------------|--------------|-------------------|
| 1. A. station | B. apartment | C. library | D. office |
| 2. A. hospital | B. library | C. picture | D. police |
| 3. A. subway | B. supermarket | C. station | D. hotel |
| 4. A. welcome | B. decorate | C. order | D. perform |
| 5. A. service | B. community | C. apartment | D. police |

III. Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence.

1. You can find lots of interesting books in the _____.
A. post office **B. library** C. police station D. arcade
2. We love going to the _____. We can see many different animals.
A. zoo B. café C. bridge D. hospital
3. I'm thirsty. Let's go to the _____ over there and have a drink.
A. movie theater B. library **C. café** D. bus station
4. My house is _____ the Orange Street.
A. on B. in C. with D. of
5. "Is there a post office near here?" – "_____."
A. Yes, it's next to the police station. B. Yes, it is.
C. No, there isn't one. D. A and C are correct
6. The restaurant is _____ the park and the hospital.
A. next B. opposite C. on **D. between**
7. The hospital is _____ to the library _____ Main Street.
A. near – on B. next – near **C. next – on** D. opposite – on
8. Is there a park near your house? – Yes, _____ park is opposite the bank.
A. a B. an **C. the** D. Ø
9. _____ is a store next to my house.
A. There B. These C. This D. It's
10. The movie theater is near our school. _____ opposite the café.
A. It **B. It's** C. They're D. This is
11. Thank _____ for your help. Goodbye!
A. your **B. you** C. his D. he
12. The bus _____ is near my house.
A. station B. theater C. market D. mall
13. The library is _____ the police station and the park.
A. near B. next **C. between** D. opposite
14. _____, is there a post office near here?
A. Excuse me B. Thanks C. Sorry D. Yes
15. There is _____ man over there. _____ man is my father.
A. a/ an **B. a/ the** C. a/ this D. a/ that

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN, KHỐI 6

.....

BÀI 6: ĐIỂM TỰA TINH THẦN (tt)

VIẾT

VIẾT BIÊN BẢN VỀ MỘT CUỘC HỌC, CUỘC THẢO LUẬN HAY MỘT VỤ VIỆC

I. Tìm hiểu tri thức về biên bản

1. Khái niệm, phân loại

- Biên bản là loại văn bản ghi chép một cách ngắn gọn, trung thực, chính xác, đầy đủ những sự việc đã xảy ra hoặc đang xảy ra.

- Phân loại: Có nhiều loại biên bản:

+ Biên bản ghi lại một sự kiện, biên bản ghi lại cuộc họp, biên bản hội nghị,...

+ Biên bản ghi lại một hành vi cụ thể (hành vi vi phạm pháp luật, biên bản bàn giao tài sản, bàn giao ca trực,...).

2. Yêu cầu đối với cách viết một biên bản

a. Về hình thức, bố cục cần có

- Quốc hiệu và tiêu ngữ.

- Tên văn bản (biên bản về việc gì).

- Thời gian, địa điểm ghi biên bản.
- Thành phần tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản.
- Diễn biến sự kiện thực tế (phần nội dung cơ bản, ghi đầy đủ ý kiến phát biểu các bên, lập luận các bên, ý kiến của chủ tọa,...).
- Phản kết thúc (ghi thời gian cụ thể, chữ kí của thư kí và chủ tọa).

b. Về nội dung, thông tin cần bảo đảm

- Số liệu, sự kiện chính xác, cụ thể.
- Ghi chép trung thực, đầy đủ không suy diễn chủ quan.
- Nội dung ghi chép phải có trọng tâm, trọng điểm.

NÓI VÀ NGHE

TÓM TẮT NỘI DUNG TRÌNH BÀY CỦA NGƯỜI KHÁC

1. Mục đích

Mục đích của việc lắng nghe và ghi chép: định hướng nội dung- tóm tắt, tăng hiệu quả giao tiếp

2. Cách thức tóm tắt:

+ Bước 1: Lắng nghe và ghi tóm tắt

+ Bước 2: Đọc và chỉnh sửa

3.Yêu cầu khi tóm tắt

+ Đầy đủ nội dung chính

+ Ngắn gọn, viết dưới dạng từ/ cụm từ

+ Có tính hệ thống

+ Có tên bài trình bày, người trình bày

...

- Nhiệm vụ:

+ Học sinh chuẩn bị bài để đóng góp ý kiến cho buổi thảo luận

+ Học sinh nghiên cứu các bước tóm tắt

ÔN TẬP

Câu 1:

Phiếu học tập:

Tác phẩm	Đề tài	Chủ đề	Chi tiết tiêu biểu
Gió lạnh đầu mùa			
Tuổi thơ tôi			
Chiếc lá cuối cùng			

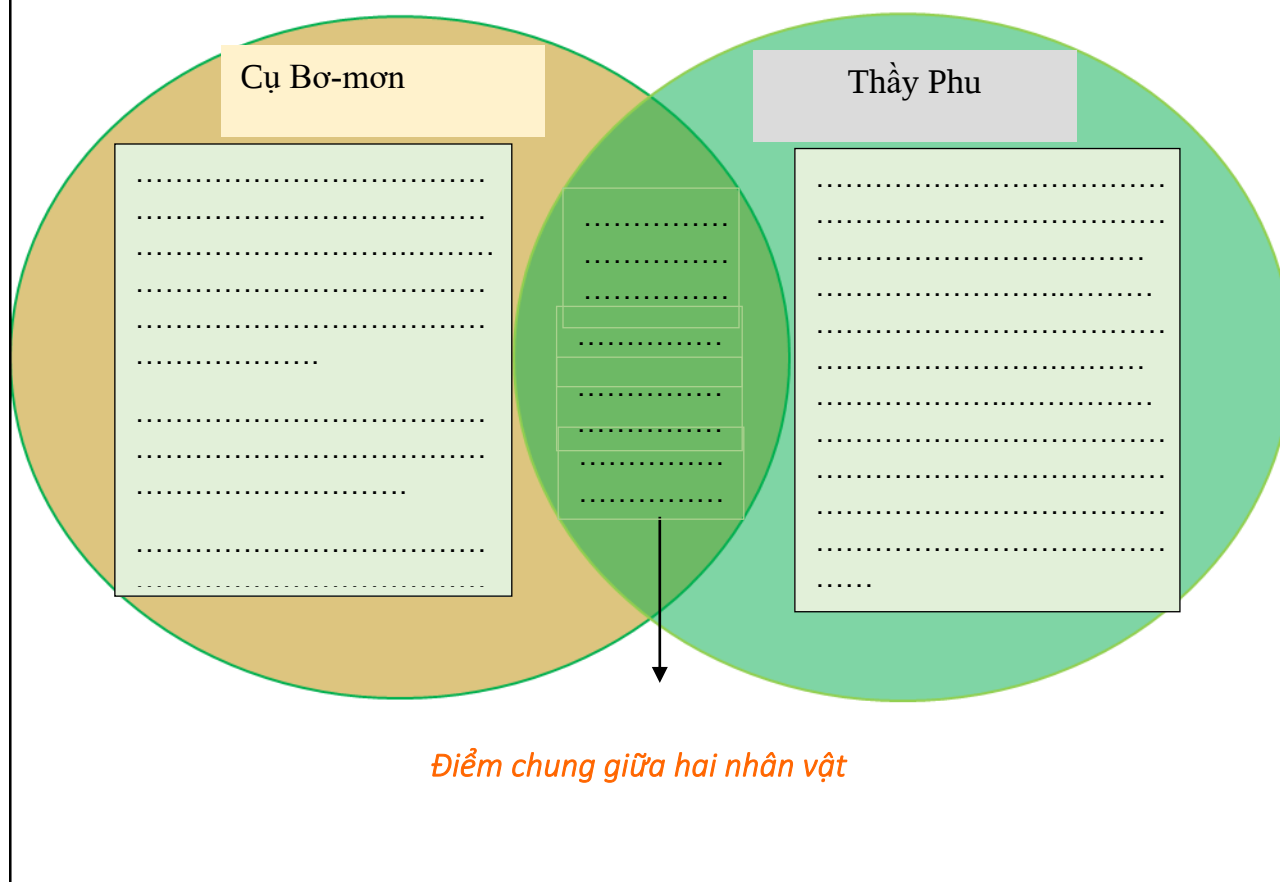
Tác phẩm	Đề tài	Chủ đề	Chi tiết tiêu biểu
Gió lạnh đầu mùa	Viết về tình cảm, mối quan hệ, xử sự giữa con người với nhau.	Thể hiện tình yêu thương, sự cảm thông, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau giữa người với người trong cuộc sống.	Một số chi tiết gợi ý: - Sơn thấy động lòng thương bé Hiên. - Chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. - Mẹ Sơn cho bác Hiên vay tiền mua. - Mẹ Sơn ôm hai con vào lòng.
Tuổi thơ tôi	Viết về kỉ niệm tuổi thơ/mối quan hệ bạn bè, thầy trò trong nhà trường.	Khẳng định ý nghĩa của sự cảm thông, thấu hiểu và tha thứ đối với cuộc sống của mỗi chúng ta.	Một số chi tiết gợi ý: - Lợi và các bạn cùng thầy Phu tiếc thương và làm đám tang cho dế. - Thầy Phu đặt vòng hoa lên mộ chú dế và xin lỗi Lợi. ...
Chiếc lá cuối cùng	Viết về thái độ của con người trước cuộc sống.	Đề cao giá trị của tình yêu thương, sự hi sinh cao cả của những người nghệ sĩ nghèo khổ, ý nghĩa	Một số chi tiết gợi ý: - Giôn-xi ốm nặng và nghĩ mình sẽ chết khi chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân rụng xuống. - Mặc mưa tuyết chiếc lá vẫn không rụng, hình ảnh chiếc lá khơi dậy khát vọng sống của Giôn-xi. - Cụ Bơ-mơn đã dầm mưa tuyết để vẽ chiếc lá thường xuân thay thế cho chiếc lá thật cuối cùng

		của niềm tin trong cuộc sống.	đã rụng. ...
--	--	-------------------------------------	-----------------

Câu 3:

Phiếu học tập:

Điểm giống và khác nhau giữa nhân vật thầy Phu (Tuổi thơ tôi) và cụ Bơ-mơn (chiếc lá cuối cùng):



Điểm giống nhau: đều có tác động đến các nhân vật khác trong truyện (chiếc lá mà cụ Bơ-mơn đã vẽ trong đêm mưa tuyết là “điểm tựa tinh thần” cho Giôn-xi; hành động đem đó hoa đến đám tang để lửa và xin lỗi Lợi "Đừng giận thầy nghe con" đã thể hiện sự chia sẻ với nỗi buồn của Lợi và góp phần làm Lợi cảm thấy ấm lòng); đều tham gia vào việc góp phần thể hiện chủ đề của truyện: tình yêu thương

giữa người với người làm nên những điểm tựa tinh thần cho mỗi chúng ta trong cuộc sống.

***Điểm khác nhau:**

- Thầy phu vô ý làm dể lửa của Lợi chết. Hành động ấy của thầy đã giúp các bạn trong lớp nhìn thấy một nét tính cách khác của Lợi đó là yêu quý động vật, giàu tình cảm, dễ xúc động. Sự day dứt của thầy Phu và vòng hoa mà thầy mang đến đặt lên mộ chủ dể đã phần nào xoa dịu nỗi đau của Lợi và đã làm cho Lợi cũng như các bạn học được bài học về cách ứng xử đối với lỗi lầm vô tình từ hành động của thầy.

- Cụ Bơ-mơn hi sinh tính mạng của mình để đem lại niềm hi vọng sống cho Giôn-xi. Kiệt tác để đời của cụ không phải là bức tranh đẹp được vẽ trên giấy, “kiệt tác” của cụ Bơ-mơn chính là hành động thực tế: đánh đổi sức khỏe của mình để đem lại niềm hi vọng sống cho một cô gái trẻ.

MÔN KHTN KHỐI 6

(Từ ngày 20/02/2023 đến ngày 25/02/2023)

Tuần 23 Bài 31: ĐỘNG VẬT

A. LÝ THUYẾT:

1/ Đa dạng động vật:

Căn cứ vào xương cột sống, động vật được chia thành 2 nhóm:

- a. Nhóm động vật chưa có xương cột sống được gọi là động vật không xương sống bao gồm:
 - Ruột khoang đại diện thủy tức, sứa, hải quỳ, san hô...
 - Giun đại diện: sán bả trâu, sán lá gan, giun đũa, giun kim. Giun đất, đĩa...
 - Thân mềm đại diện: trai, ốc, mực, hến sò...
 - Chân khớp đại diện: nhện, gián, bọ xít, ong, kiến, bướm, tôm, cua...
- b. Nhóm động vật đã có xương cột sống được gọi là động vật có xương sống bao gồm:
 - Cá đại diện: cá mè, cá chép, cá thu, cá hồi, cá đuối, cá mập,...
 - Lưỡng cư đại diện: ếch đồng, cá nóc, nhái, ếch, giun, ...
 - Bò sát đại diện: rắn, thằn lằn, rùa, cá sấu,....
 - Chim đại diện: chim bay(chim bồ câu), chim chạy(đà điểu), chim bơi(chim cánh cụt),...
 - Thú (Động vật có vú) đại diện: ngựa, thỏ, chuột, mèo, khỉ,...

2/ Tác hại của động vật trong đời sống:

Trong đời sống, động vật là tác nhân gây bệnh, trung gian truyền bệnh cho con người, thực vật và động vật khác; gây ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến kinh tế địa phương, phá hoại mùa màng, công trình xây dựng,...

B. PHIẾU HỌC TẬP:

1. Cho hình ảnh đại diện một số động vật.

a) Gọi tên các sinh vật trong hình.

b) Vẽ sơ đồ phân chia các đại diện trên thành 2 nhóm, động vật có xương sống và động vật không xương sống.



2. Ghép mỗi nhóm động vật ở cột A với đặc điểm tương ứng trong cột B

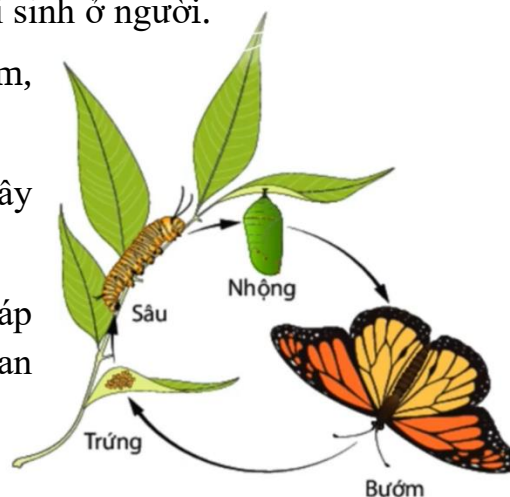
A	B
1. Ruột khoang	a/ Cơ thể phân đốt, có bộ xương ngoài bằng chitin, có thể có cánh.
2. Giun	b/ Cơ thể mềm, thường không phân đốt và có vỏ đá vôi.
3. Thân mềm	c/ Cơ thể hình trụ hay hình dẹt, đối xứng tỏa tròn, có tua miệng.
4. Chân khớp	d/ Cơ thể mềm, dẹp, kéo dài hoặc phân đốt.

3. Em hãy nêu các biện pháp phòng chống giun kí sinh ở người.

4. Quan sát vòng đời phát triển của loài sâu bướm, em hãy thực hiện các lệnh sau:

a) Giai đoạn nào ảnh hưởng đến năng suất cây trồng?

b) Theo em người dân nên sử dụng biện pháp phòng trừ sâu hại nào để đảm bảo hiệu quả và an toàn sinh học. Cho ví dụ.

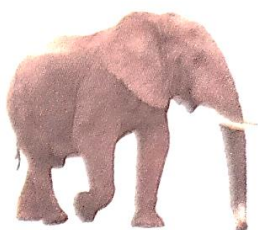


HƯỚNG DẪN GIẢI:

1.a)



Con bướm



Con voi



Con ngựa



Con chim



Con khỉ



Con ốc sên



Con đĩa

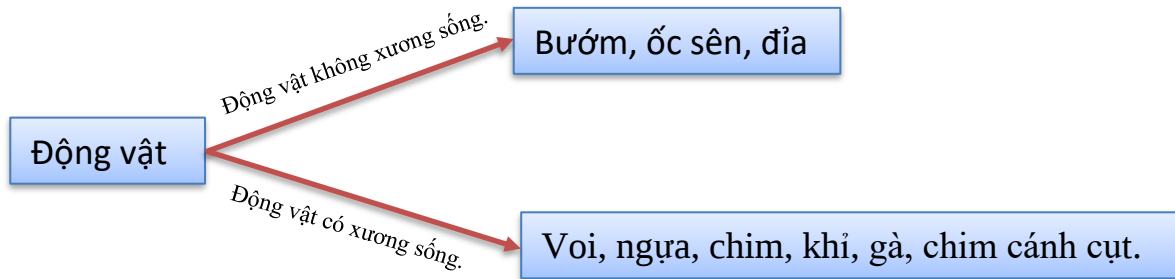


Con gà



Con chim cánh cụt

1.b)



2. Ghép mỗi nhóm động vật ở cột A với đặc điểm tương ứng trong cột B

A	B
1. Ruột khoang	a/ Cơ thể phân đốt, có bộ xương ngoài bằng chitin, có thể có cánh.
2. Giun	b/ Cơ thể mềm, thường không phân đốt và có vỏ đá vôi.
3. Thân mềm	c/ Cơ thể hình trụ hay hình dẹt, đối xứng tỏa tròn, có tua miệng.
4. Chân khớp	d/ Cơ thể mềm, dẻo, kéo dài hoặc phân đốt.

3. Các biện pháp phòng chống giun kí sinh ở người:

- Vệ sinh tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh;
- Luôn ăn thức ăn đã nấu chín, nước đun sôi để nguội;
- Lau dọn nhà cửa, vật dụng, đồ chơi thường xuyên với nước sát trùng;
- Hạn chế ăn rau sống;

4.a) Giai đoạn sâu.

4.b) Biện pháp phòng trừ sinh học: Sử dụng các loài thiên địch để tiêu diệt sâu hại